

Số:..../KH-THNT

Nam Tiến, ngày 05 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Năm học 2023 -2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Công văn số 2345/BGD&ĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học;
- Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 7975/BGD&ĐT-GDTH ngày 10/9/2009 về việc Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học; Công văn số 5842/BGD&ĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; Tài liệu hướng dẫn điều chỉnh nội dung chương trình hiện hành theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT2018)
- Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Công văn số 344/BGD&ĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Công văn 3535/BGD&ĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong CTGDPT 2018 từ năm 2020-2021;
- Thông tư 37/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;
- Công văn 3539/BGD&ĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về chuẩn bị điều kiện đảm bảo thực hiện dạy môn Tin học;
- Công văn 681/ BGD&ĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT2018;
- Công văn 1315/ BGD&ĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học;
- Công văn số 775/SGD&ĐT- GDTH ngày 11 tháng 5 năm 2023 Hướng dẫn thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục và sử dụng sách giáo khoa, tài liệu năm học 2023-2024 của cấp tiểu học Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định;
- Thông báo số /TB-THNT ngày 25/05/2023 về Danh mục sách giáo khoa, tài liệu sử dụng trong năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Nam Tiến;
- Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND tỉnh Nam Định

về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Kế hoạch 299/KH-PGDĐT ngày 01/8/2023 của Phòng GDĐT Nam Trực về việc triển khai giáo dục STEM từ năm học 2023-2024;

- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Nam Tiến.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023-2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1.1. Thuận lợi

- Nam Tiến là địa phương có truyền thống hiếu học. Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh mẽ ở các thôn xóm, dòng họ đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực.

- Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương nói chung và nhà trường nói riêng đã đạt được hiệu quả khá tốt, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học và xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài.

1.2. Khó khăn

- Mặc dù rất hiếu học song một bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh chưa có nhận thức đúng về mục tiêu của giáo dục Tiểu học, chưa quan tâm giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, kĩ năng sống mà chỉ chú ý đến điểm số, chú ý đến thành tích của các môn học (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh) của học sinh.

- Người dân địa phương chủ yếu làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Một số phụ huynh học sinh ngoài nông nghiệp còn phải đi làm ăn xa lúc nông nhàn nên việc chăm sóc và kết hợp giáo dục với nhà trường còn có hạn chế.

- Nam Tiến vẫn còn là điểm nóng về tệ nạn ma túy nên có nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, không quan tâm, không có điều kiện chăm lo đến việc học hành của con.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023-2024.

2.1. Điểm mạnh

2.1.1. Về học sinh

Quy mô phát triển năm học 2023-2024 như sau:

	Điểm chính				Điểm lẻ				Tổng số				Ghi chú
	Lớp	HS	Nữ	B.Q	Lớp	HS	Nữ	B.Q	Lớp	HS	Nữ	BQ	
Lớp 1	4	145	73	36	2	64	37	32	6	209	110	35	
Lớp 2	4	118	43	30	2	57	36	28	6	175	79	29	
Lớp 3	4	121	52	30	2	61	26	30	6	182	78	30	
Lớp 4	4	148	55	37	2	56	27	28	6	204	82	34	
Lớp 5	4	132	66	33	2	54	34	27	6	186	100	31	
Cộng	20	664	289	33	10	292	160	29	30	956	449	32	

Nhà trường có số lượng học sinh/ lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học. 100% học sinh tham gia học 2 buổi/ngày. Học sinh có có phong trào học tập, rèn luyện tốt; bước đầu có thói quen đọc sách; nhiều học sinh có tố chất, các em rất hứng thú, say mê với những hoạt động phát triển tố chất, năng lực cá nhân và các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

2.1.2. Đội ngũ

Nhà trường có tổng số 51 cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm: 3 cán bộ quản lý, 44 giáo viên, 4 nhân viên. Trong đó có 3 giáo viên GDTC, 4 giáo viên dạy tiếng Anh, giáo viên dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, tin học mỗi môn có 2. Tỷ lệ giáo viên trên lớp là 1,47 (44 giáo viên/30 lớp), cơ cấu giáo viên tương đối hợp lý, nhiều giáo viên trẻ, 100% giáo viên của trường có trình độ cao đẳng trở lên trở lên, trong đó trình độ đại học là 34/44 chiếm 77,3%. Có 2 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh, 14 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp huyện. Nhìn chung, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề; luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau, gắn bó với trường, lớp. Đây là điều kiện thuận lợi lớn nhất của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường là những người tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, tích cực học hỏi, luôn đi đầu trong việc đổi mới, sáng tạo và luôn khuyến khích, trân trọng sáng tạo của giáo viên, tạo lập được bầu không khí làm việc thân thiện, tích cực trong đơn vị.

2.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tuy có 2 điểm trường song cả 2 điểm trường của nhà trường đều nằm trên trục đường tỉnh lộ, rất thuận tiện cho học sinh. Tỷ lệ phòng học/ lớp của nhà trường là 1, các phòng học bộ môn gồm: 3 phòng tiếng Anh, 2 phòng tin học, 2 phòng âm nhạc, 2 phòng mỹ thuật, 1 phòng khoa học, công nghệ. Mỗi điểm trường của nhà trường đều có nhà đa năng, khu thể thao, thư viện và thư viện xanh, ... Là trường đã đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn nên các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác giáo dục.

2.1.4. Các điều kiện khác

- Trường Tiểu học Nam Tiến được UBND huyện Nam Trực xác định là một trong 6 trường trọng điểm của huyện nên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, sự ủng hộ kịp thời về cơ chế, chính sách và con người.

- Là trường có chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu khá tốt. Nhiều năm liền, nhà trường có học sinh tham gia và đạt giải trong các cuộc thi, hội thi, giao lưu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quốc gia như: thi điền kinh, bóng đá, bóng bàn, cờ vua, aerobic, robotic, liên hoan phát triển năng lực học sinh, hùng biện tiếng Anh, IOE, Toefl Primary, giới thiệu sách, Violympic, toán

tuổi thơ, giải toán qua thư, viết chữ đúng và đẹp,... Nhà trường rất tích cực nghiên cứu áp dụng nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, mô hình dạy học tiên tiến, hiện đại, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh.

- Trong những năm gần đây, nhà trường đã đưa vào kế hoạch giáo dục của mình các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tiếp cận CTGDPT 2018 như: dạy kỹ năng sống, giáo dục STEM, tăng cường tiếng Anh với người nước ngoài, dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, dạy Tin học theo chương trình chuẩn quốc tế (IC3), tổ chức tiết đọc thư viện theo mô hình của Room to read, tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, tổ chức lớp học theo mô hình VNEN, dạy mỹ thuật theo phương pháp của Đan Mạch, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ... và đã thu được nhiều kết quả khả quan. Đây là điều kiện rất thuận lợi để nhà trường thực hiện triển khai thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Điểm yếu

2.2.1. Về học sinh

Xuất hiện một bộ phận không nhỏ học sinh có triệu chứng rối loạn về tâm lý, hành vi, nhận thức (trầm cảm, tự kỉ, tăng động, ...) mà giáo viên chưa được tập huấn về phương pháp dạy đối tượng học sinh này, phụ huynh chưa có hiểu biết nhiều để phối hợp giáo dục trẻ, phó mặc cho nhà trường.

Còn có 1 học sinh thuộc diện bảo trợ xã hội, 4 học sinh khuyết tật học hòa nhập, 11 học sinh thuộc diện đặc biệt khó khăn. Rải rác ở các lớp đều có học sinh có biểu hiện của trẻ tăng động, giảm chú ý, trẻ tự kỷ.

2.2.2. Về đội ngũ

Vẫn còn giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo so với quy định mới tại Điều lệ trường Tiểu học năm 2020, họ vừa phải dạy, vừa phải học nâng cao trình độ (7 giáo viên)

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và việc ứng dụng công nghệ, tin học của một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

Còn nhiều giáo viên, nhân viên là lao động hợp đồng (6 giáo viên cơ bản, 2 giáo viên chuyên và 01 nhân viên), thu nhập thấp nên chưa yên tâm công tác.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn nhiều người ở xa (trên 20 km), giáo viên trẻ đang độ tuổi sinh nở nên nghỉ thai sản nhiều.

2.2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Trường được xây dựng chắp vá qua nhiều thời kỳ, có nhiều hạng mục phải sửa chữa thường xuyên song kinh phí rất lại hạn chế.

- Trang thiết bị dạy học hiện đại chưa có nhiều, chưa có đủ trang thiết bị tối thiểu theo quy định khi triển khai CTGDPT 2018.

- Bếp ăn bán trú, phòng ăn, nghỉ ngơi của học sinh chưa đảm bảo yêu cầu.

2.2.4. Các điều kiện khác

- Là đơn vị sự nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, mỗi năm nhà trường được cấp 35 triệu đồng để tu bổ cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học. Đã là năm thứ tư thực hiện CTGDPT 2018 nhưng đến thời điểm này ngoài số tiền ít ỏi nêu trên, chưa có thêm kinh phí bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho triển khai CTGDPT 2018.

- Không được giao tự chủ về nhân sự, thiếu biên chế giáo viên, nhà trường rất khó khăn khi tìm giáo viên hợp đồng.

- Hệ thống các văn bản chỉ đạo có sự chông chéo, mâu thuẫn, không tạo được hành lang pháp lý giúp các nhà trường có sáng tạo trong triển khai Kế hoạch giáo dục.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

1. Mục tiêu chung

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực. Học sinh làm chủ được kiến thức của từng lớp học, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống; xây dựng được những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt, đặc biệt chú trọng xây dựng thói quen đọc sách. Mỗi học sinh trở thành cá nhân có tư duy độc lập, có năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, có khả năng sáng tạo, luôn có khát vọng vươn lên.

Tiếp tục khẳng định nhà trường là địa chỉ tin cậy của gia đình và xã hội, học sinh thích học, thích đi học, mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Tập trung xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, tiên tiến, hiện đại; có đủ các điều kiện và thực hiện thành công CTGDPT 2018.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các phẩm chất và năng lực

Lớp	Xếp loại		Các phẩm chất, năng lực												
			TH, TC	GT& HT	GQVĐ &ST	NN	Toán	KH	TM	TC	Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm
1 (209)	T	SL	120	120	120	120	150	150	150	150	150	160	150	160	160
		TL	57,4	57,4	57,4	57,4	71,8	71,8	71,8	71,8	71,8	76,6	71,8	76,6	76,6
	Đ	SL	86	86	86	86	56	56	56	56	56	49	56	49	49
		TL	41,2	41,2	41,2	41,2	26,8	26,8	26,8	26,8	26,8	23,4	26,8	23,4	23,4
	CCG	SL	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	3	0	0
		TL	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4	0	1,4	0	0	
2 (175)	T	SL	115	115	115	115	115	115	115	115	135	135	135	135	135
		TL	65,7	65,7	65,7	65,7	65,7	65,7	65,7	65,7	77,1	77,1	77,1	77,1	77,1
	Đ	SL	60	60	60	60	60	60	60	60	40	40	40	40	40
		TL	34,3	34,3	34,3	34,3	34,3	34,3	34,3	34,3	22,9	22,9	22,9	22,9	22,9
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3 (182)	T	SL	130	130	130	130	130	130	130	130	130	150	150	150	150
		TL	71,4	71,4	71,4	71,4	71,4	71,4	71,4	71,4	71,4	82,4	82,4	82,4	82,4
	Đ	SL	52	52	52	52	52	52	52	52	52	32	32	32	32
		TL	28,6	28,6	28,6	28,6	28,6	28,6	28,6	28,6	28,6	17,6	17,6	17,6	17,6

	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (204)	T	SL	154	154	154	154	154	154	154	154	154	154	154	154	154
		TL	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5	75,5
	Đ	SL	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		TL	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5	24,5
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối lớp	XL	Năng lực						Phẩm chất							
		Tự phục vụ, tự quản		Giao tiếp Hợp tác		Tự học và GQVĐ		Chăm học, chăm làm		Tự tin, trách nhiệm		Trung thực kỉ luật		Đoàn kết, yêu thương	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5 (186)	T	150	80,6	150	80,6	150	80,6	150	80,6	150	80,6	150	80,6	150	80,6
	Đ	36	19,4	36	19,4	36	19,4	36	19,4	36	19,4	36	19,4	36	19,4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2. Các môn học, hoạt động giáo dục

Môn học	XL	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt (956)	T	120	57,4	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	635	66,4
	H	86	41,2	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	318	33,3
	C	3	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0,3
Toán (956)	T	120	57,4	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	635	66,4
	H	86	41,2	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	318	33,3
	C	3	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0,3
Đạo đức (956)	T	123	58,8	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	638	66,7
	H	86	41,2	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	318	33,3
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TN&XH (566)	T	120	57,4	120	68,6	125	68,7					365	64,5
	H	86	41,2	55	31,4	57	31,3					198	35,0
	C	3	1,4	0	0	0	0					3	0,5
Khoa học (390)	T							140	68,6	130	69,9	270	69,2
	H							64	31,4	56	30,1	120	30,8
	C							0	0	0	0	0	0
LS và ĐL (390)	T							140	68,6	130	69,9	270	69,2
	H							64	31,4	56	30,1	120	30,8
	C							0	0	0	0	0	0
Kĩ thuật (186)	T									130	69,9	130	69,9
	H									56	30,1	56	30,1
	C									0	0	0	0
Mĩ thuật (956)	T	150	71,8	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	665	69,6
	H	59	28,2	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	291	30,4
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Âm nhạc (956)	T	140	67	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	655	68,5
	H	69	33	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	301	31,5
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDTC (956)	T	150	71,8	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	665	69,6
	H	59	28,2	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	291	30,4

	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
HĐTN (770)	T	150	71,8	120	68,6	125	68,7	140	68,6			535	69,5
	H	59	28,2	55	31,4	57	31,3	64	31,4			235	30,5
	C	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
Tin học (572)	T					125	68,7	140	68,6	130	69,9	395	69,1
	H					57	31,3	64	31,4	56	30,1	177	30,9
	C					0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ (386)	T					125	68,7	140	68,6	130	69,9	395	69,1
	H					57	31,3	64	31,4	56	30,1	177	30,9
	C					0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh (956)	T	140	67	120	68,6	125	68,7	140	68,6	130	69,9	655	68,5
	H	66	31,6	55	31,4	57	31,3	64	31,4	56	30,1	298	31,2
	C	3	1,4	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0,3

2.3. Các hoạt động giáo dục theo nhu cầu, năng lực.

2.3.1. Công tác bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở các lĩnh vực: văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật... thông qua hình thức câu lạc bộ, tự học với sự hướng dẫn của giáo viên. Tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của nhà trường là toán, tiếng Anh, điền kinh, bóng đá, robotics để nâng cao thành tích ở các cấp.

- Tổ chức, tạo cơ hội để học sinh được tham gia vào tất cả các cuộc thi, liên hoan, giao lưu phát triển năng khiếu, năng lực do cấp trên tổ chức như: giao lưu toán tuổi thơ, olympic tiếng Anh, hùng biện tiếng Anh, toefl primary, thi điền kinh (chạy, bật xa, ném bóng), bóng đá, bóng rổ, lập trình robot, viết chữ đúng và đẹp, Phân đấu có từ ít nhất 50 giải cấp huyện, 5 giải cấp tỉnh, 5 giải cấp quốc gia.

- Có khoảng 70% học sinh trở lên tham gia hoạt động giáo dục theo nhu cầu.

2.3.2. Công tác giúp đỡ học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật

Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng. Tăng cường dạy học phân hóa kết hợp với phụ đạo thêm cho học sinh có khó khăn về nhận thức, khó khăn về hoàn cảnh gia đình, học sinh khuyết tật vào giờ tự học. Đảm bảo 100% học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật được giúp đỡ riêng, phụ đạo thêm giờ để học sinh hoàn thành các nội dung học tập, rèn luyện và đảm bảo đạt các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, 100% có sự tiến bộ so với bản thân.

2.4. Các hoạt động giáo dục khác

2.4.1. Hoạt động GDĐT, thăm quan, dã ngoại.

Ngoài đảm bảo đủ 105 tiết hoạt động trải nghiệm (lớp 1,2,3,4), 70 tiết hoạt động giáo dục (lớp 5) bắt buộc theo quy định, tổ chức cho học sinh các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa theo chủ đề từng tháng với thời lượng 6 buổi/năm (mục 2.1) để giúp học sinh tăng cường ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Tổ chức cho học sinh khối 3,4,5 được tham quan trải nghiệm ít nhất 1 lần/ năm học tại các điểm di tích lịch sử, văn hóa hoặc các khu trải nghiệm giáo dục trong

tỉnh và Hà Nội.

Phần đầu có 90% học sinh tham gia vào các hoạt động chủ điểm và tham quan, dã ngoại.

2.4.2. Hoạt động đọc sách

Ngoài 1 tiết/ tuần đọc sách được bố trí trong thời khóa biểu, bố trí thêm cho học sinh đọc sách tại trường sau giờ học chính khóa. Phần đầu 100% học sinh tham gia hoạt động đọc sách tại trường do giáo viên tổ chức, có ít nhất 30% học sinh có thói quen đọc sách hàng ngày.

2.4.3. Hoạt động tự học

Tổ chức cho học sinh tự học có sự giúp đỡ và giám sát của giáo viên. Phần đầu có trên 90% trở lên học sinh biết cách tự học và có thói quen tự giác giải quyết các nhiệm vụ học tập được giao.

2.4.4. Hoạt động câu lạc bộ

Tổ chức 10 câu lạc bộ với khoảng 500 – 600 học sinh cho những học sinh có sở thích, có năng khiếu, năng lực, sở thích, nhu cầu.

2.4.5. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống

Tổ chức dạy kỹ năng sống với thời lượng 3 tiết /tuần. Phần đầu có 80% học sinh trở lên tham gia.

2.4.6. Tăng cường học Tiếng Anh thông qua môn Toán và Khoa học

Liên kết tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh với thời lượng 2 tiết /tuần. Phần đầu có 50% học sinh trở lên tham gia.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 – 2024.

1. Phân phối thời lượng các môn học và các hoạt động giáo dục.

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học /Hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	280	144	136
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Lịch sử và Địa lý										70	36	34	70	36	34
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Giáo dục thể chất/ Thể dục	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Kĩ thuật													35	18	17
11	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68			
12	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34			
13	Hoạt động trải nghiệm/HĐGD	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	70	36	34
Môn học tự chọn																
14	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34							140	72	68
15	Tin học													70	72	68
Hoạt động củng cố, tăng cường																
16	Củng cố các môn học	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
17	Tự học	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
18	Đọc sách thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
19	Giáo dục tin học	35	18	17	35	18	17									
Tổng số tiết		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544
Số tiết/tuần (cả năm)		32			32			32			32			32		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2023	Mái trường mến yêu	Làm quen, tìm hiểu về trường, lớp, bạn bè, thầy cô giáo. Vệ sinh và trang trí lớp học.	Trải nghiệm theo lớp	Sáng thứ năm ngày 01/9	GVCN	BGH, GV chuyên, nhân viên và CMHS
10/2023	An toàn trường học	Tìm hiểu và nắm được các cách đảm bảo AT khi: tham gia giao thông, sử dụng điện, an toàn khi vui chơi, ăn uống hợp VS và phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề toàn trường	Chiều thứ sáu ngày 20/10	TPT Đội	Công an xã, nhân viên y tế, Chi đoàn TNCS HCM, BCH Công Đoàn
11/2023	Nhớ ơn thầy cô	Biểu diễn văn nghệ, triển lãm sản phẩm viết, vẽ	Tổ chức quy mô toàn trường.	Sáng thứ hai 20/11	TPT Đội	BCH Chi Đoàn, BCH Công đoàn, CMHS; Ban xây dựng VHĐ, GV MT và GVÂN
02/2024	Ngày tết quê em	Thực hành một số hoạt động của ngày tết Nguyên Đán như: vệ sinh nhà cửa, gói bánh chưng, bày mâm ngũ quả, cắm hoa, nấu các món truyền thống,...	Tổ chức theo điểm trường	Sáng thứ bảy 3/2	BGH	Toàn bộ GV, NV và CMHS
3/2024	Mừng Ngày Quốc tế phụ nữ	Sinh hoạt chuyên đề về bình đẳng giới	Quy mô điểm trường	Chiều thứ sáu ngày 8/3	BCH Công Đoàn	GVCN, TPT Đội, Chi Đoàn.
4/2024	Hưởng ứng Ngày	Tổ chức hoạt động trưng bày, giới thiệu sách,	Quy mô trường	Sáng thứ bảy, ngày 20/4	Ban xây dựng VHĐ	Toàn bộ CB, GV, VN và CMHS

	sách VN	sân khấu hóa tác phẩm				
5/2024	Bác Hồ kính yêu	Tham quan, dã ngoại tại Bảo tàng Nam Định, khu di tích Đền Trần	Theo đơn vị lớp	Từ ngày 12/5 đến 19/5	BGH	Toàn bộ CB, GV, NV và CMHS các lớp

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.

Chương trình ngoài giờ chính khóa được tổ chức phân hóa theo nhu cầu, sở thích, năng lực của từng học sinh và tổ chức các hoạt động GD/ HĐTN giúp thực hiện mục tiêu GD của trường. Nội dung và hình thức hoạt động ngoài giờ chính khóa gồm:

2.2.1. Tổ chức các câu lạc bộ:

Nhà trường dự kiến tổ chức các CLB sau đây:

- + Tiếng Anh: 200 học sinh (8 nhóm, mỗi nhóm từ 20-30 HS chia 2 khu)
- + Cờ vua: 50 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30HS; khu B: 20HS)
- + Bóng đá: 60 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30 HS; khu B: 30 HS)
- + Bóng bàn: 30 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 20 HS; khu B: 10 HS)
- + Robotics: 50 học sinh (chia 2 nhóm; Khu A: 30; KB: 20 học sinh)
- + Aerobic: 150 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 100 HS; khu B: 50 HS)
- + Văn nghệ: 70 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 40 HS; khu B: 30 HS)
- + Mĩ thuật: 60 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30 HS; khu B: 30 HS)

Câu lạc bộ được tổ chức cho những học sinh có năng khiếu, sở thích và nguyện vọng tham gia. Câu lạc bộ sinh hoạt 4 tiết/ tuần, thời gian từ 16h00 -17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) vào thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần.

2.2. Đọc sách

Mục đích rèn thói quen và kỹ năng đọc sách cho học sinh. Tổ chức cho những học sinh không tham gia các hoạt động khác trong khoảng thời gian từ thời gian từ 16h00 - 17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) các ngày trong tuần. Hoạt động đọc sách cuối giờ học được tổ chức theo quy mô lớp học.

2.3. Tự học.

Mục đích rèn thói quen và kỹ năng tự học cho học sinh. Tổ chức cho những học sinh không tham gia các hoạt động khác trong khoảng thời gian từ thời gian từ 16h00 -17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) các ngày trong tuần. Hoạt động tự học cuối giờ học được tổ chức theo quy mô lớp học.

2.4. Dạy kỹ năng sống

Giúp cho người học hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống.

Tổ chức giáo dục an toàn giao thông theo hướng dẫn tại công văn số 1362/BGDĐT-GDTH ngày 07/4/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức giáo dục ATGT cấp Tiểu học; sử dụng bộ tài liệu “Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học” được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt tại Quyết định số 4667/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2020; bộ Tài liệu điện tử an toàn giao thông theo hướng dẫn tại Công văn số 1415/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 14/04/2022 của Bộ GDĐT.

Tổ chức giáo dục an toàn trường học theo tài liệu “Giáo dục an toàn trường học” dành cho học sinh tiểu học được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-BGDĐT ngày 17/01/2022.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Hai điểm trường của nhà trường có các điều kiện như nhau nên việc triển khai Kế hoạch giáo dục không có sự khác biệt. Một số hoạt động có quy mô tập trung toàn trường, phụ huynh sẽ hỗ trợ học sinh di chuyển từ điểm trường lẻ sang điểm trường chính.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 – 2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về Kế hoạch thời gian năm học. Căn cứ vào các quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn của Phòng GDĐT huyện Nam Trực; căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học; tại trường Tiểu học Nam Tiến thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

TT	Công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ngày tựu trường	29/8/2023	Lớp 1 ngày 22/8
2	Ngày khai giảng	05/09/2023	
3	Ngày bắt đầu chương trình tuần 1	06/9/2023	
4	Ngày kết thúc học kỳ I	07/01/2024	
5	Ngày bắt đầu học kỳ II	15/01/2024	
6	Ngày kết thúc học kỳ II	15/05/2024	
7	Ngày kết thúc năm học	26/05/2024	

4.1. Khối lớp 1

TUẦN 1									
Thời gian		4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9	10/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHCM	Khai giảng SHDC	LL	LL	LL			
	2			LL	LL	LL			
	3			LL	LL	STEM 1			
	4			LL	LL				
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		25							

TUẦN 2									
Thời gian		11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	16/9	17/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	STEM 2	LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 3									
Thời gian		18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	24/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		LL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 4									
Thời gian		25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	Tết trung thu			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 5									
Thời gian		2/10	3/10	4/10	5/10	6/10	7/10	8/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	STEM 4			
	4	LL	STEM3	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 6									
Thời gian		9/10	10/10	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 7									
Thời gian		16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 8									
Thời gian		23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 9									
Thời gian		30/10	31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	5/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 10									
Thời gian		6/11	7/11	8/11	9/11	10/11	11/11	12/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 11									
Thời gian		13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KN ngày NGVN		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 12									
Thời gian		20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	GDTT	LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL	LL		
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 13									
Thời gian		29/11	28/11	29/11	30/11	1/12	2/12	3/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 14									
Thời gian		4/11	5/12	6/12	7/12	8/12	9/12	10/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 15									
Thời gian		11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	16/12	17/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 16									
Thời gian		18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	STEM 5	LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 17									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 18									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/1	2/1	3/1	4/1	5/1	6/1	7/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết dương lịch	SHDC	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 19									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/1	9/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	STEM 6	LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 20									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 21									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 22									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/1	30/1	31/1	1/2	2/2	3/2	4/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	GDTT		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	STEM 7	LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 23									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	5/2	6/2	7/2	8/2	9/2	10/2	11/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	SHCM	Nghỉ tết Nguyên Đán (Từ ngày 28/12 AL)				
	2	LL	LL						
	3	LL	LL						
	4	LL	LL						
Chiều	5	LL	LL						
	6	LL	LL						
	7	LL	LL						
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 24									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết Nguyên Đán (Đến hết ngày 5/1 AL)			LL	LL			
	2				LL	LL			
	3				LL	LL			
	4				LL	LL			
Chiều	5				LL	LL			
	6				LL	LL			
	7				LL	SHL			
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 25									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2	25/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 26									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	26/2	27/2	28/2	29/2	1/3	2/3	3/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 27									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	9/3	10/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 28									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 29									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 30									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	STEM 8			
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 31									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4	6/4	7/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 32									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4	13/4	14/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	STEM 9	LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 33									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Nghị Giỗ tổ Hùng Vương	LL	Ngày hội đọc sách		
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL	SHCM		
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 34									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	27/4	28/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 35									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	4/5	5/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	Nghị lễ thống nhất đất nước	Nghị Quốc tế lao động	LL	LL			
	2	LL			LL	LL			
	3	LL			STEM 10	LL			
	4	LL				LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		21							

TUẦN 36									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	11/5	12/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP KHỐI LỚP 1

Tuần	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Tự nhiên và Xã hội	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mĩ thuật	HD trải nghiệm	Tiếng Anh	Củng cố	Tự học	Độc sách	Giáo dục Tin học	Tổng	SHCM
1	12	2	0	0	2	1	1	2	2	0	0	2	1	25	4
2	12	3	1	4	2	1	1	4	2	2	2	0	1	35	
3	12	3	2	2	2	1	1	4	2	0	0	2	1	32	4
4	12	4	1	2	2	1	1	2	2	0	0	0	1	28	
5	12	3	1	2	2	1	1	3	2	0	2	2	1	32	4
6	12	3	1	4	2	1	1	4	2	2	2	0	1	35	
7	12	3	1	0	2	1	1	2	2	1	1	2	1	29	4
8	12	3	2	2	2	1	1	4	2	3	2	0	1	35	
9	12	3	1	2	2	1	1	3	2	0	2	2	1	32	4
10	12	3	1	2	2	1	1	4	2	2	4	0	1	35	
11	12	3	1	2	2	1	1	2	2	1	2	2	1	32	4
12	12	3	0	2	2	1	1	5	2	1	2	0	1	32	
13	12	3	1	2	2	1	1	2	2	1	2	2	1	32	4
14	12	3	1	2	2	1	1	2	2	4	4	0	1	35	
15	12	3	1	2	2	1	1	2	2	0	3	2	1	32	4
16	12	3	1	2	2	1	1	4	2	1	5	0	1	35	
17	12	3	1	2	2	1	1	3	2	0	2	2	1	32	4
18	12	3	1	2	2	1	1	2	2	0	1	0	1	28	
HKI	216	54	18	36	36	18	18	54	36	18	36	18	18	576	36
19	12	3	1	2	2	1	1	3	2	1	1	2	1	32	4
20	14	3	1	2	2	1	1	4	2	1	3	0	1	35	
21	14	3	1	2	2	1	1	3	2	0	0	2	1	32	4
22	14	3	1	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	35	
23	4	3	1	0	1	0	0	1	1	0	0	2	1	14	4
24	4	3	0	0	1	1	1	1	1	1	1	0	0	14	
25	12	3	1	2	2	1	1	3	2	1	1	2	1	32	4
26	14	3	1	4	2	1	1	2	2	0	4	0	1	35	
27	12	3	1	2	2	1	1	2	2	0	0	2	1	29	4
28	14	3	1	2	2	1	1	4	2	2	2	0	1	35	
29	12	3	1	2	2	1	1	3	2	1	1	2	1	32	4
30	14	3	1	2	2	1	1	4	2	2	2	0	1	35	
31	12	3	1	2	2	1	1	3	2	1	1	2	1	32	4
32	14	3	1	2	2	1	1	2	2	1	5	0	1	35	
33	6	2	1	2	2	1	1	4	2	1	3	2	1	28	4
34	14	4	1	2	2	1	1	3	2	1	3	0	1	35	
35	6	0	1	2	2	1	1	3	2	0	1	1	1	21	
36	12	3	1	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	33	4
HKII	204	51	17	34	34	17	17	51	34	17	34	17	17	544	36

4.2. Khối lớp 2

TUẦN 1									
Thời gian		4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9	10/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHCM	Khai giảng SHDC	LL	LL	LL			
	2			LL	LL	LL			
	3			LL	LL	LL			
	4			LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	STEM 1	LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		25							

TUẦN 2									
Thời gian		11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	16/9	17/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	STEM 2	LL	LL	LL			
	7	LL		LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 3									
Thời gian		18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	24/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 4									
Thời gian		25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	Tết trung thu			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	STEM 3				
	6	LL	LL	LL					
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 5									
Thời gian		2/10	3/10	4/10	5/10	6/10	7/10	8/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 6									
Thời gian		9/10	10/10	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 7									
Thời gian		16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	STEM 4	GDTT			
	6	LL	LL				LL		
	7	LL	LL		LL		LL		
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 8									
Thời gian		23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 9									
Thời gian		30/10	31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	5/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 10									
Thời gian		6/11	7/11	8/11	9/11	10/11	11/11	12/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 11									
Thời gian		13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KN ngày NGVN		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 12									
Thời gian		20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	GDTT	LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL	LL		
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 13									
Thời gian		29/11	28/11	29/11	30/11	1/12	2/12	3/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 14									
Thời gian		4/11	5/12	6/12	7/12	8/12	9/12	10/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 15									
Thời gian		11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	16/12	17/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 16									
Thời gian		18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	STEM 5	LL	LL	LL			
	4	LL		LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 17									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 18									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/1	2/1	3/1	4/1	5/1	6/1	7/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết dương lịch	SHDC	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 19									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/1	9/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 20									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 21									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 22									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/1	30/1	31/1	1/2	2/2	3/2	4/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	GDTT		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 23									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	5/2	6/2	7/2	8/2	9/2	10/2	11/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	SHCM	Nghỉ tết Nguyên Đán (Từ ngày 28/12 AL)				
	2	LL	LL						
	3	LL	LL						
	4	LL	LL						
Chiều	5	LL	LL						
	6	LL	LL						
	7	LL	STEM 6						
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 24									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết Nguyên Đán (Đến hết ngày 5/1 AL)			LL	LL			
	2				LL	LL			
	3				STEM 7	LL			
	4				LL	LL			
Chiều	5	LL			STEM 8				
	6	LL							
	7	LL			SHL				
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 25									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2	25/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 26									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	26/2	27/2	28/2	29/2	1/3	2/3	3/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 27									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	9/3	10/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	STEM 9	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 28									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 29									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 30									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 31									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4	6/4	7/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 32									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4	13/4	14/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 33									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương	LL	Ngày hội đọc sách		
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	STEM 10	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL	SHCM		
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 34									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	27/4	28/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 35									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	4/5	5/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	Nghỉ lễ thống nhất đất nước	Nghỉ Quốc tê lao động	LL	LL			
	2	LL			LL	LL			
	3	LL			LL	LL			
	4	LL			LL	LL			
Chiều	5	LL			LL	LL			
	6	LL			LL	LL			
	7	LL			LL	SHL			
TS tiết/tuần		21							

TUẦN 36									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	11/5	12/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP KHỐI 2

Tuần	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Tự nhiên và Xã hội	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mĩ thuật	HD trải nghiệm	Tiếng Anh	Củng cố	Tự học	Đọc sách	GD Tin học	Tổng	Sinh hoạt CM
1	8	5	0	2	2	1	1	3	2	0	0	0	1	25	4
2	12	6	2	2	2	1	1	3	2	0	1	2	1	35	
3	14	5	0	2	2	1	1	3	2	1	0	0	1	32	4
4	6	5	2	2	2	1	1	3	2	0	1	2	1	28	
5	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
6	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
7	10	5	0	2	2	1	1	3	2	1	1	0	1	29	4
8	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
9	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
10	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
11	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
12	10	5	2	2	2	1	1	3	2	0	1	2	1	32	
13	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
14	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
15	10	6	0	2	2	1	1	3	2	2	2	0	1	32	4
16	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
17	12	5	0	2	2	1	1	3	2	1	2	0	1	32	4
18	8	3	2	2	2	1	1	3	2	0	1	2	1	28	
HKI	180	90	18	36	36	18	18	54	36	18	36	18	18	576	36
19	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
20	10	6	2	2	2	1	1	3	2	1	2	2	1	35	
21	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
22	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
23	5	2	0	2	1	0	0	3	1	0	0	0	0	14	4
24	5	2	0	1	1	1	1	0	1	0	1	0	1	14	
25	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
26	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
27	10	5	0	2	2	1	1	3	2	1	1	0	1	29	4
28	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
29	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
30	10	5	2	2	2	1	1	3	2	1	3	2	1	35	
31	10	5	0	2	2	1	1	3	2	2	3	0	1	32	4
32	10	6	2	2	2	1	1	3	2	1	2	2	1	35	
33	12	4	0	2	2	1	1	3	2	0	0	0	1	28	4
34	12	6	2	2	2	1	1	3	2	0	1	2	1	35	
35	6	4	0	1	2	1	1	3	2	0	0	0	1	21	
36	10	5	3	2	2	1	1	3	2	0	0	3	1	33	4
HKII	170	85	17	34	34	17	17	51	34	17	34	17	17	544	36

4.3. Khối lớp 3

TUẦN 1									
Thời gian		4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9	10/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHCM	Khai giảng SHDC	LL	LL	LL			
	2			LL	LL	LL			
	3			LL	LL	LL			
	4			LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		25							

TUẦN 2									
Thời gian		11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	16/9	17/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 3									
Thời gian		18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	24/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 4									
Thời gian		25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	Tết trung thu			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	STEM 1	LL				
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		SHL				
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 5									
Thời gian		2/10	3/10	4/10	5/10	6/10	7/10	8/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 6									
Thời gian		9/10	10/10	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	STEM 2	LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 7									
Thời gian		16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 8									
Thời gian		23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 9									
Thời gian		30/10	31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	5/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 10									
Thời gian		6/11	7/11	8/11	9/11	10/11	11/11	12/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 11									
Thời gian		13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 3	LL	LL	KN ngày NGVN		
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL		LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 12									
Thời gian		20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	GDĐT	LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL	LL		
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 13									
Thời gian		29/11	28/11	29/11	30/11	1/12	2/12	3/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 14									
Thời gian		4/11	5/12	6/12	7/12	8/12	9/12	10/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 15									
Thời gian		11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	16/12	17/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 16									
Thời gian		18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 17									
Thời gian		25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 18									
Thời gian		1/1	2/1	3/1	4/1	5/1	6/1	7/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết dương lịch	SHDC	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 19									
Thời gian		8/1	9/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	STEM 4	LL			
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 20									
Thời gian		15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	STEM 5	LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 21									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 22									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/1	30/1	31/1	1/2	2/2	3/2	4/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	GDTT		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 23									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	5/2	6/2	7/2	8/2	9/2	10/2	11/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	SHCM	Nghỉ tết Nguyên Đán (Từ ngày 28/12 AL)				
	2	LL	LL						
	3	LL	LL						
	4	LL	LL						
Chiều	5	LL	STEM 6						
	6	LL							
	7	LL							
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 24									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết Nguyên Đán (Đến hết ngày 5/1 AL)			LL	LL			
	2				LL	LL			
	3				LL	LL			
	4				LL	LL			
Chiều	5				LL	LL			
	6				LL	LL			
	7				LL	SHL			
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 25									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2	25/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	STEM 7	LL	LL	LL			
	4	LL		LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 26									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	26/2	27/2	28/2	29/2	1/3	2/3	3/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 8	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL		LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 27									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	9/3	10/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 28									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 29									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 30									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 9	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL		LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 31									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4	6/4	7/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 32									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4	13/4	14/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	STEM 10	LL	LL	LL			
	3	LL		LL	LL	LL			
	4	LL		LL	LL	LL			
5	LL	LL		LL	LL	LL			
Chiều	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
	TS tiết/tuần		35						

TUẦN 33									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Nghị Giỗ tổ Hùng Vương	LL	Ngày hội đọc sách		
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL	SHCM		
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 34									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	27/4	28/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 35									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	4/5	5/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	Nghị lễ thống nhất đất nước	Nghị Quốc tê lao động	LL	LL			
	2	LL			LL	LL			
	3	LL			LL	LL			
	4	LL			LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL	LL		
	6	LL	LL		LL	LL	LL		
	7	LL	LL		LL	LL	SHL		
TS tiết/tuần		21							

TUẦN 36									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	11/5	12/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP KHỐI 3

Tuần	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Tự nhiên và xã hội	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mĩ thuật	HD trải nghiệm	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Củng cố	Tự học	Đọc sách	Tổng	SHCM
1	4	3	2	1	2	1	1	3	4	1	1	0	0	2	25	4
2	8	6	0	3	2	1	1	3	4	1	1	2	3	0	35	
3	5	4	2	2	2	1	1	3	4	1	1	2	2	2	32	4
4	6	4	0	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	0	28	
5	8	5	2	2	2	1	1	3	4	1	1	0	0	2	32	4
6	7	7	0	2	2	1	1	4	4	1	1	2	3	0	35	
7	6	4	2	2	2	1	1	3	4	1	1	0	0	2	29	4
8	9	6	0	2	2	1	1	3	4	1	1	2	3	0	35	
9	5	4	2	2	2	1	1	3	4	1	1	2	2	2	32	4
10	9	6	0	2	2	1	1	3	4	1	1	2	3	0	35	
11	4	5	2	2	2	1	1	2	4	1	4	0	2	2	32	4
12	9	5	0	2	2	1	1	3	4	1	0	1	3	0	32	
13	7	4	2	2	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	32	4
14	10	7	0	2	2	1	1	3	4	1	1	0	3	0	35	
15	7	4	2	2	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	32	4
16	10	7	0	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	0	35	
17	6	4	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	2	32	4
18	6	5	0	2	2	1	1	3	4	1	1	0	2	0	28	
HKI	126	90	18	36	36	18	18	54	72	18	18	18	36	18	576	36
19	6	4	2	3	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	32	4
20	9	7	0	2	2	1	1	3	4	1	1	2	2	0	35	
21	6	5	2	2	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	32	4
22	9	7	0	2	2	1	1	3	4	1	0	2	3	0	35	
23	0	0	2	0	1	1	1	3	2	1	3	0	0	0	14	4
24	3	2	0	1	1	0	0	3	2	0	0	0	2	0	14	
25	6	4	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	2	32	4
26	7	6	0	2	2	1	1	3	4	1	4	2	2	0	35	
27	5	3	2	2	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	29	4
28	9	7	0		2	1	1	3	4	1	1	2	2	0	35	
29	7	4	2	2	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	32	4
30	8	6	0	2	2	1	1	3	4	1	4	1	2	0	35	
31	7	4	2	2	2	1	1	3	4	1	0	1	2	2	32	4
32	9	7	0	3	2	1	1	3	4	1	1	1	2	0	35	
33	5	4	2	2	2	1	1	2	4	1	0	0	2	2	28	4
34	10	7	0	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	0	35	
35	3	2	1	1	2	1	1	2	4	1	0	0	1	2	21	
36	10	6	0	2	2	1	1	2	4	1	1	0	2	1	33	4
HKII	119	85	17	34	34	17	17	51	68	17	17	17	34	17	544	36

4.4. Khối lớp 4

TUẦN 1									
Thời gian		4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9	10/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHCM	Khai giảng SHDC	LL	LL	LL			
	2			LL	LL	LL			
	3			LL	LL	LL			
	4			LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		25							

TUẦN 2									
Thời gian		11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	16/9	17/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 3									
Thời gian		18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	24/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM 1	SHCM	LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 4									
Thời gian		25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	Tết trung thu			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 5									
Thời gian		2/10	3/10	4/10	5/10	6/10	7/10	8/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 6									
Thời gian		9/10	10/10	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM 2	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 7									
Thời gian		16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 8									
Thời gian		23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 9									
Thời gian		30/10	31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	5/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 10									
Thời gian		6/11	7/11	8/11	9/11	10/11	11/11	12/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM 3	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 11									
Thời gian		13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KN ngày NGVN		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 12									
Thời gian		20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	GDTT	LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	STEM 4	LL	LL		
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 13									
Thời gian		29/11	28/11	29/11	30/11	1/12	2/12	3/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 14									
Thời gian		4/11	5/12	6/12	7/12	8/12	9/12	10/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 15									
Thời gian		11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	16/12	17/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	STEM 5	LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL			SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 16									
Thời gian		18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 17									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 18									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/1	2/1	3/1	4/1	5/1	6/1	7/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết dương lịch	SHDC	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 19									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/1	9/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 20									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 21									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 22									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/1	30/1	31/1	1/2	2/2	3/2	4/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	GDTT		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM 6	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 23									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	5/2	6/2	7/2	8/2	9/2	10/2	11/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	SHCM	Nghỉ tết Nguyên Đán (Từ ngày 28/12 AL)				
	2	LL	LL						
	3	LL	LL						
	4	LL	LL						
Chiều	5	LL	LL						
	6	LL	LL						
	7	LL	LL						
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 24									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết Nguyên Đán (Đến hết ngày 5/1 AL)			LL	LL			
	2				LL	LL			
	3				LL	LL			
	4				LL	LL			
Chiều	5				LL	LL			
	6				LL	LL			
	7				LL	SHL			
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 25									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2	25/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM 7	SHCM	LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL			SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 26									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	26/2	27/2	28/2	29/2	1/3	2/3	3/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 27									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	9/3	10/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 28									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM 8	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL	SHL		
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 29									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 30									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 31									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4	6/4	7/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	STEM 9	LL			
	6	LL	LL			LL			
	7	LL	LL			SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 32									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4	13/4	14/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 33									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương	LL	Ngày hội đọc sách		
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL	SHCM		
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 34									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	27/4	28/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	STEM	LL	LL			
	6	LL	LL	10	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 35									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	4/5	5/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	Nghỉ lễ thống nhất đất nước	Nghỉ Quốc tê lao động	LL	LL			
	2	LL			LL	LL			
	3	LL			LL	LL			
	4	LL			LL	LL			
Chiều	5	LL	LL		LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		21							

TUẦN 36									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	11/5	12/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP KHỐI 4

Tuần	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Khoa học	Lịch sử và Địa lý	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mĩ thuật	HD trải nghiệm	Tiếng Anh	Công nghệ	Tin học	Độc sách	Củng cố	Tổng	SHCM
1	5	4	0	0	2	2	1	1	3	4	1	1	1	0	25	4
2	7	5	2	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	3	35	
3	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	4
4	5	5	0	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	0	28	
5	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	4
6	8	5	1	3	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	35	
7	5	5	1	1	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	29	4
8	7	5	1	3	2	2	1	1	3	4	1	1	1	3	35	
9	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	4
10	8	6	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	2	35	
11	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	4
12	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	
13	8	5	1	3	2	2	1	1	3	4	0	1	1	0	32	4
14	7	7	1	3	2	2	1	1	3	4	0	1	1	2	35	
15	8	5	1	0	2	2	1	1	3	4	3	1	1	0	32	4
16	9	5	2	3	2	2	1	1	3	4	1	1	1	0	35	
17	9	4	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	0	32	4
18	5	4	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	0	28	
HKI	126	90	18	36	36	36	18	18	54	72	18	18	18	18	576	36
19	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	
20	7	5	1	3	4	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
21	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	
22	7	5	1	3	4	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
23	2	2	0	0	0	1	1	1	2	2	1	1	1	0	14	
24	5	3	0	0	0	1	0	0	2	2	0	0	0	1	14	4
25	6	5	1	3	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	
26	9	5	2	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
27	7	5	0	1	1	2	1	1	3	4	1	1	1	1	29	
28	8	5	2	3	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
29	7	5	1	2	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	
30	7	6	1	3	3	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
31	6	5	1	3	2	2	1	1	3	4	1	1	1	1	32	
32	8	5	2	2	3	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
33	7	5	0	0	2	2	1	1	2	4	1	1	1	1	28	
34	7	5	2	3	3	2	1	1	3	4	1	1	1	1	35	4
35	4	2	0	0	0	2	1	1	3	4	1	1	1	1	21	
36	8	7	1	2	0	2	1	1	3	4	1	1	1	1	33	4
	119	85	17	34	34	34	17	17	51	68	17	17	17	17	544	36

4.5. Khối lớp 5

TUẦN 1									
Thời gian		4/9	5/9	6/9	7/9	8/9	9/9	10/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHCM	Khai giảng SHDC	LL	LL	LL			
	2			LL	LL	LL			
	3			LL	LL	LL			
	4			LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		25							

TUẦN 2									
Thời gian		11/9	12/9	13/9	14/9	15/9	16/9	17/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 3									
Thời gian		18/9	19/9	20/9	21/9	22/9	23/9	24/9	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 4									
Thời gian		25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	Tết trung thu			
	2	LL	LL	LL	LL				
	3	LL	LL	LL	LL				
	4	LL	LL	LL	LL				
Chiều	5	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	SHL				
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 5									
Thời gian		2/10	3/10	4/10	5/10	6/10	LL	8/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 6									
Thời gian		9/10	10/10	11/10	12/10	13/10	14/10	15/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 7									
Thời gian		16/10	17/10	18/10	19/10	20/10	21/10	22/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 8									
Thời gian		23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 1	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 9									
Thời gian		30/10	31/10	1/11	2/11	3/11	4/11	5/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 10									
Thời gian		6/11	7/11	8/11	9/11	10/11	11/11	12/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 11									
Thời gian		13/11	14/11	15/11	16/11	17/11	18/11	19/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	KN ngày NGVN		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 12									
Thời gian		20/11	21/11	22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	GDTT	LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL	LL		
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 13									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/11	28/11	29/11	30/11	1/12	2/12	3/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 14									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	4/11	5/12	6/12	7/12	8/12	9/12	10/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 15									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	11/12	12/12	13/12	14/12	15/12	16/12	17/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 16									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	18/12	19/12	20/12	21/12	22/12	23/12	24/12		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 17									
Thời gian		25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 18									
Thời gian		1/1	2/1	3/1	4/1	5/1	6/1	7/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết dương lịch	SHDC	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 19									
Thời gian		8/1	9/1	10/1	11/1	12/1	13/1	14/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 20									
Thời gian		15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 2	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL		LL	LL			
	4	LL	LL		LL	LL	LL		
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 21									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 3	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 22									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/1	30/1	31/1	1/2	2/2	3/2	4/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 4	LL	LL	GDTT		
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 23									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	5/2	6/2	7/2	8/2	9/2	10/2	11/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	SHCM	Nghỉ tết Nguyên Đán (Từ ngày 28/12 AL)				
	2	LL	LL						
	3	LL	LL						
	4	LL	LL						
Chiều	5	LL	LL						
	6	LL	LL						
	7	LL	LL						
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 24									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ tết Nguyên Đán (Đến hết ngày 5/1 AL)			LL	LL			
	2				LL	LL			
	3				LL	LL			
	4				LL	LL			
Chiều	5				LL	LL			
	6				LL	LL			
	7				LL	SHL			
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 25									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	19/2	20/2	21/2	22/2	23/2	24/2	25/2		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 5	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	SHCM	LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 26									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	26/2	27/2	28/2	29/2	1/3	2/3	3/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 27									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	9/3	10/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	GDTT			
	6	LL	LL		LL				
	7	LL	LL		LL				
TS tiết/tuần		29							

TUẦN 28									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3	17/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	STEM 6	LL	LL			
	2	LL	LL		LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 29									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 30									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3	30/3	31/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 31									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4	6/4	7/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 32									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4	13/4	14/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 33									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4	20/4	21/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Nghị Giỗ tổ Hùng Vương	LL	Ngày hội đọc sách		
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL	SHCM		
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 34									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	27/4	28/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 35									Điều chỉnh kế hoạch	
Thời gian	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	4/5	5/5			
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN		
Sáng	1	SHDC	Nghị lễ thống nhất đất nước	Nghị Quốc tế lao động	LL	LL				
	2	LL			LL	LL				
	3	LL			LL	LL				
	4	LL			LL	LL				
Chiều	5	LL	LL		LL	LL	LL			
	6	LL	LL		LL	LL	LL			
	7	LL	LL		LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		21								

TUẦN 36									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	11/5	12/5		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	SHCM	LL	LL			
	7	LL	LL		LL	SHL			
TS tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP KHỐI 5

Tuần	Tiếng Việt	Toán	Đạo đức	Khoa học	Lịch sử và địa lý	Kĩ thuật	Giáo dục thể chất	Âm nhạc	Mĩ thuật	Hoạt động giáo dục	Tiếng Anh	Tin học	Độc sách	Tổng	SHCM
1	5	4	0	0	2	1	2	1	1	2	4	2	1	25	4
2	10	5	2	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
3	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
4	5	5	0	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	28	
5	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
6	10	5	1	3	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
7	6	5	1	1	2	1	2	1	1	2	4	2	1	29	4
8	10	5	1	3	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
9	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
10	10	6	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
11	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
12	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	
13	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
14	9	7	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
15	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
16	9	5	2	3	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
17	8	4	1	2	2	1	3	1	1	2	4	2	1	32	4
18	6	4	1	2	2	1	1	1	1	2	4	2	1	28	
HKI	144	90	18	36	36	18	36	18	18	36	72	18	18	576	36
19	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
20	8	5	1	3	4	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
21	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
22	8	5	1	3	4	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
23	3	2	0	0	0	1	1	1	1	1	2	1	1	14	4
24	5	3	0	0	0	0	1	0	0	1	2	1	1	14	
25	7	5	1	3	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
26	10	5	2	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
27	8	5	0	1	1	1	2	1	1	2	4	2	1	29	4
28	9	5	2	3	2	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
29	8	5	1	2	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
30	8	6	1	3	3	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
31	7	5	1	3	2	1	2	1	1	2	4	2	1	32	4
32	9	5	2	2	3	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
33	7	5	0	0	2	1	2	1	1	2	4	2	1	28	4
34	8	5	2	3	3	1	2	1	1	2	4	2	1	35	
35	5	2	0	0	0	1	2	1	1	2	4	2	1	21	
36	10	7	1	2	0	1	2	1	1	2	4	2	1	33	4
	136	85	17	34	34	17	34	17	17	34	68	17	17	544	36

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã tu sửa, bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất để đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học.
- Tiết kiệm chi ngân sách, kêu gọi tài trợ để mua sắm bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học cho các phòng học, phòng học bộ môn, ưu tiên cho các lớp 1;2;3;4.
- Phát động và tổ chức cho giáo viên tự làm đồ dùng dạy học.
- Tăng cường các thiết bị dạy học hiện đại để triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học.

2. Chủ động kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển hàng năm, tham mưu với Phòng GDĐT để có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy định.
- Cử giáo viên đi học nâng cao trình độ đào tạo theo lộ trình đã xây dựng.
- Phát huy nội lực, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ tại chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên ứng dụng CNTT vào dạy học.

3. Chú trọng tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tập huấn, sinh hoạt chuyên môn theo quy định.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ.
- Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia tích cực vào các hội thảo chuyên môn, các cuộc thi, giao lưu về chuyên môn để học hỏi.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thống nhất sách giáo khoa, tài liệu chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

+ Khối 1

Stt	Tên sách/ tài liệu	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái	ĐHSP
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy	ĐHSP
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP
5	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP
6	Âm nhạc 1	Hoàng Long	GĐVN
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường	GĐVN
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Đức Quang	ĐHSP
9	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Em học lập trình với Kodu 1	Đào Thái Lai	GĐVN
11	Giáo dục An toàn trường học 1	Phạm Việt Cường	GĐVN

12	Giáo dục an toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT
13	Giáo dục địa phương 1	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 2

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 2	Lê Anh Vinh	GDVN
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Em học lập trình với Kodu 2	Đào Thái Lai	GDVN
11	Giáo dục An toàn trường học 2	Phạm Việt Cường	GDVN
12	Giáo dục an toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT
13	Giáo dục địa phương 2	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 3

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 3	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 3	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
7	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
10	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	GDVN
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	GDVN
12	Giáo dục An toàn trường học 3	Phạm Việt Cường	GDVN
13	Giáo dục an toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT
14	Giáo dục địa phương 3	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 4

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 4	Hà Huy Khoái	GDVN

3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý	Vũ Minh Giang	GDVN
6	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Công nghệ	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn trường học 4	Phạm Việt Cường	GDVN
14	GD An toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT
15	Giáo dục địa phương 4	Tỉnh biên soạn	

+ Khối lớp 5

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Hướng dẫn học Toán 5	Đỗ Tiến Đạt	GDVN
2	Hướng dẫn học Tiếng Việt 5	Lê Phương Nga,	GDVN
3	Hướng dẫn học Khoa học 5	Lương Việt Thái	GDVN
4	Hướng dẫn học Lịch sử và Địa lý 5	Nguyễn Anh Dũng	GDVN
5	Đạo đức 5	Lưu Thu Thủy	GDVN
6	Sách GV Thể dục 5	Trần Đồng Lâm	GDVN
7	Âm nhạc 5	Hoàng Long	GDVN
8	Học Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Kĩ thuật 5	Đoàn Chi	GDVN
10	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Cùng học tin học 3	Nguyễn Xuân Huy	GDVN
12	An toàn trường học 5	Phạm Việt Cường	GDVN
13	GD An toàn trường học 5	Phạm Việt Cường	GDVN
14	GD An toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT

- Xây dựng thời gian biểu khoa học, hợp lý

Mùa hè

Thời gian		Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h00 – 7h10	10 phút	Thể dục buổi sáng
	7h15 - 7h50	35 phút	Tiết 1
	7h55 - 8h30	35 phút	Tiết 2
	8h30 - 8h50	20 phút	Ra chơi

	8h55 - 9h30	35 phút	Tiết 3	
	9h35 - 10h10	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h45 - 13h50	5 phút	Ổn định lớp	
	13h50 - 14h25	35 phút	Tiết 5	
	14h30 - 15h05	35 phút	Tiết 6	
	15h05 - 15h20	15 phút	Ra chơi	
	15h25 - 16h00	35 phút	Tiết 7	
	16h00 - 17h10	70 phút	Tự học, đọc sách hoặc CLB	Tan học buổi chiều

Mùa đông:

	Thời gian		Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h30 - 7h35	5 phút	Ổn định tổ chức lớp	
	7h35 - 8h15	35 phút	Tiết 1	
	8h20 - 8h55	35 phút	Tiết 2	
	8h55 - 9h20	25 phút	Thẻ đục, ra chơi	
	9h25 - 10h00	35 phút	Tiết 3	
	10h05 - 10h40	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h30 - 13h35	5 phút	Ổn định lớp	
	13h35 - 14h10	35 phút	Tiết 5	
	14h15 - 14h50	35 phút	Tiết 6	
	14h50 - 15h05	15 phút	Ra chơi	
	15h10 - 15h45	35 phút	Tiết 7	
	15h45 - 16h55	70 phút	Tự học, đọc sách hoặc CLB	Tan học buổi chiều

4. Coi trọng việc phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể, CMHS trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tuyên truyền tích cực về đổi mới giáo dục nói chung, kế hoạch giáo dục của nhà trường nói riêng để các cộng đồng nhận thức đúng và đồng thuận.

- Làm tốt công tác dân vận để đảm bảo quy mô phát triển hợp lý giữa 2 điểm trường.

- Tạo nhiều cơ hội để các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cùng tham gia vào việc giáo dục học sinh.

5. Luôn khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tạo cơ chế hợp lý để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sự chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường phân cấp quản lý, cấp trên không làm thay nhiệm vụ cấp dưới và ngược lại.

- Hướng dẫn chu đáo đề giáo viên chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo tình hình thực tế.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện nội dung các công việc được giao và chủ động thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giáo viên đọc sách, cơ chế khen thưởng hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Tổ chức việc xây dựng kế hoạch giáo dục, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, truyền truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Phân công nhiệm vụ và tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu.

- Tham mưu tích cực với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực để có đủ các điều kiện giúp cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao. Huy động các lực lượng cộng đồng tham gia vào thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tổ chức xây dựng các chủ đề STEM, tổ chức tập huấn, thao giảng để giáo viên thực hiện tốt các bài học STEM đã xây dựng.

2. Phó hiệu trưởng

- Kết hợp với hiệu trưởng nhà trường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, các phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể cho nhiệm vụ của mình sao cho có sự thống nhất với kế hoạch giáo dục chung của trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt:

+ Xây dựng kế hoạch môn học theo CTGDPT 2018 trên cơ sở SGK được chọn (lớp 1; 2; 3;4)

+ Rà soát nội dung, chương trình, SGK hiện hành để loại bỏ những thông tin cũ, lạc hậu, bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp. Điều chỉnh cấu trúc nội dung dạy học trong chương trình hiện hành và xây dựng kế hoạch dạy học từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh (lớp 5).

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch môn học/HĐGD của tổ chuyên môn tổ chức và hướng dẫn giáo viên lập thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp.

- Thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục thông qua dự giờ, kiểm tra, duyệt kế hoạch bài dạy, Định kỳ rà soát việc thực hiện kế hoạch giáo dục đề xuất hiệu trưởng các biện pháp điều chỉnh, bổ sung.

- Tổ chức hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ kịp thời các vướng mắc của giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch môn học, các hoạt động giáo dục đảm bảo yêu cầu trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Hướng dẫn tổ viên lập kế hoạch dạy học hàng tuần.

- Phối hợp với phó hiệu trưởng lập thời khóa biểu cho từng lớp.

- Kiểm tra kế hoạch bài dạy của giáo viên hàng tuần. Giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục của mỗi thành viên trong tổ.

- Tổ chức cho tổ sinh hoạt chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục.

4. Tổng phụ trách Đội

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tiết sinh hoạt dưới cờ, xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục tập thể được phân công.

- Tham mưu với Đoàn TNCS, Hội đồng Đội của địa phương để huy động các nguồn lực, để phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục hàng tuần cho lớp mình chủ nhiệm.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục được phân công theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm

quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT
- Các PHT, TTCM
- Đăng website
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hạnh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT

.....

.....

.....

.....

.....

.....